TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 10 năm 2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 10 và ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Thu H, sinh năm: 1981.

Địa chỉ cư trú: tổ 13, ấp Long H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn L, sinh năm: 1983.

Địa chỉ cư trú: ấp Long T, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt đến lần 02)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình tố tụng vụ án thì Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H và Bị đơn anh Đặng Văn L trình bày và có ý kiến, yêu cầu như sau: Vào năm 2005 chị H và anh L sau thời gian tìm hiểu thống nhất về tình cảm, quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05 tháng 8 năm 2005, sau đó vợ chồng chị H, anh L sống bên gia đình chị H tại ấp Long H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chị H,

anh L sống hạnh phúc và có với nhau 01 người con chung tên Đặng Bùi Gia N, sinh ngày 02-12-2007, đến năm 2015 thì vợ chồng chị H, anh L phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, anh L không chăm lo cho gia đình và bắt đầu ly thân kể từ tháng 3-2017 cho đến nay (chị H tiếp tục sống tại gia đình cha, mẹ ruột; còn anh L thì về sống với gia đình cha, mẹ ruột tại ấp Long T, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

Chị H yêu cầu được ly hôn với anh L, vì tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung, chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng (vì đang sống với chị), không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L không thống nhất ly hôn, vì anh vẫn còn thương vợ, con, vã lại mâu thuẫn của vợ chồng không lớn; Nếu Tòa án cho ly hôn thì về con chung tên Đặng Bùi Gia N, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa**:*

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phần phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2005, chị H và anh L cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã L. Sau khi kết hôn, thì vợ chồng sống cùng gia đình chị H tại Tiền Giang. Đến đầu năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh L thường xuyên ăn nhậu, ghen tuông vô cớ, không lo làm ăn. Chị H đã nhiều lần giải thích, khuyên ngăn nhưng anh L không sửa đổi. Hai bên gia đình đã tìm cách hàn gắn nhưng không thành. Đến cuối năm 2016 thì sống ly thân đến nay. Chị đã nhiều lần nộp đơn ly hôn nhưng cũng nhiều lần rút đơn để cho anh L cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không thành vì anh L không sửa đổi, giữa chị và anh L cũng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Chính vì lẽ đó, chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn L. Tuy nhiên, anh L không thống nhất ly hôn vì cho rằng còn thương vợ, con là không có cơ sở. Bởi lẽ, trong quá trình sống chung anh L không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu và chị H đã tạo điều kiện để anh sửa đổi. Cụ thể, chị đã hai lần nộp đơn yêu cầu ly hôn và cũng hai lần chị rút đơn; Điều đó chứng tỏ dù biết anh L sai nhưng chị vẫn chấp nhận tha thứ lỗi lầm để mong anh sửa đổi nhưng anh vẫn không thay đổi nên xét yêu cầu được ly hôn của chị H đối với anh L là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H được ly hôn với bị đơn anh Đặng Văn L.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Bùi Gia N sinh ngày 02-12-2007, Cả chị H và anh L đều yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu N từ lúc sinh ra và lớn lên đều sống với vợ chồng chị H, anh L tại địa chỉ Số 917, tổ 13, ấp Long H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Đến khi chị H, anh L phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân thì cháu N vẫn sống với chị H tại Tiền Giang, môi trường sống thuận lợi và tạo điều kiện để cháu phát triển bình thường. Hơn nữa, trong bản khai cháu N có nguyện vọng được sống với mẹ là chị H. Căn cứ vào quy định pháp luật cũng như tình hình thực tế thiết nghĩ giao con chung Đặng Bùi Gia N cho chị Bùi Thị Thu H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cháu Đặng Bùi Gia N sinh ngày 02-12-2007 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Giữa chị H, anh L đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị H tự nguyện không yêu cầu, nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Văn L đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H và bị đơn Đặng Văn L.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 05 tháng 8 năm 2005 nên quan hệ hôn nhân của chị Bùi Thị Thu H với anh Đặng Văn L là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H, anh L thừa nhận thời gian đầu có hạnh phúc và sinh được một con chung tên Đặng Bùi Gia N, sinh ngày 02-12-2007, sau đó đến khoảng năm 2015 thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hợp nhau và bắt đầu ly thân kể từ tháng 3-2017 đến nay, trong khoảng thời gian ly thân thì anh L và chị H có vài lần gặp nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay chị H khởi kiện xin được ly hôn với anh L, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn; Anh L thì không đồng ý ly hôn, vì cho rằng còn thương yêu vợ, con để tiếp tục tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án từ Tòa án thành phố M,

tỉnh Tiền Giang đến Tòa án huyện H, tỉnh Đồng Tháp thì anh L nói rằng để tạo điều kiện hàn gắn tình cảm lại với chị H và tại Tòa án thành phố M, tỉnh Tiền Giang chị H đã nhiều lần nộp đơn khởi kiện xin ly hôn, sau đó chị H rút đơn khởi kiện được thể hiện qua các Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 04/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04-01-2018, và số 148/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01-11-2018, nhằm mục đích cho anh L cơ hội, nhưng anh L lại không tìm đến gặp chị H (việc này được anh L thừa nhận), đều đó chứng tỏ rằng anh L không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng theo lời nói của mình, không còn tha thiết yêu thương vợ con, như vậy theo yêu cầu của chị H xin được ly hôn với anh L, và tại Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải đoàn tụ, nhưng chị H kiên quyết xin ly hôn là có cơ sở, do đó thấy rằng chị H đã không còn tình cảm vợ chồng với anh L, mâu thuẫn giữa chị H với anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh L.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị H và anh L thừa nhận có một con chung tên Đặng Bùi Gia N, sinh ngày 02-12-2007 (phù hợp với giấy khai sinh cấp cho cháu N có tên cha Đặng Văn L, tên mẹ Bùi Thị Thu H và cháu N đang sống với chị H). Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; Anh L cũng yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử, xét thấy: Cháu Gia N nay đã là 12 tuổi và theo nguyện vọng của cháu Gia N thì nếu cha mẹ ly hôn xin được sống với mẹ, vã lại từ khi chị H với anh L ly thân thì cháu Gia N sống liên tục với chị H, do đó để ổn định cuộc sống và theo nguyện vọng của cháu Gia N, nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Gia N cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở, và anh L chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị H chưa yêu cầu.

- Về tài sản, nợ chung: Chị H và anh L không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0013514 ngày 19-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vậy chị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh L không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Bùi Thị Thu H được ly hôn với anh Đặng Văn L.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Bùi Thị Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đặng Bùi Gia N, sinh ngày 02-12-2007 (hiện đang sống với chị H và theo nguyện vọng của cháu Gia N xin được sống với mẹ, tại bản tự khai ngày 07-12-2018); Anh Đặng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đặng Văn L chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Bùi Thị Thu H chưa yêu cầu.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Bùi Thị Thu H và anh Đặng Văn L không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Bùi Thị Thu H là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Bùi Thị Thu H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0013514 ngày 19-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, vậy chị Bùi Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Đặng Văn L không phải chịu án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo Bản án: Nguyên đơn chị Bùi Thị Thu H, bị đơn anh Đặng Văn L có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã L;
- Đương sự**;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách